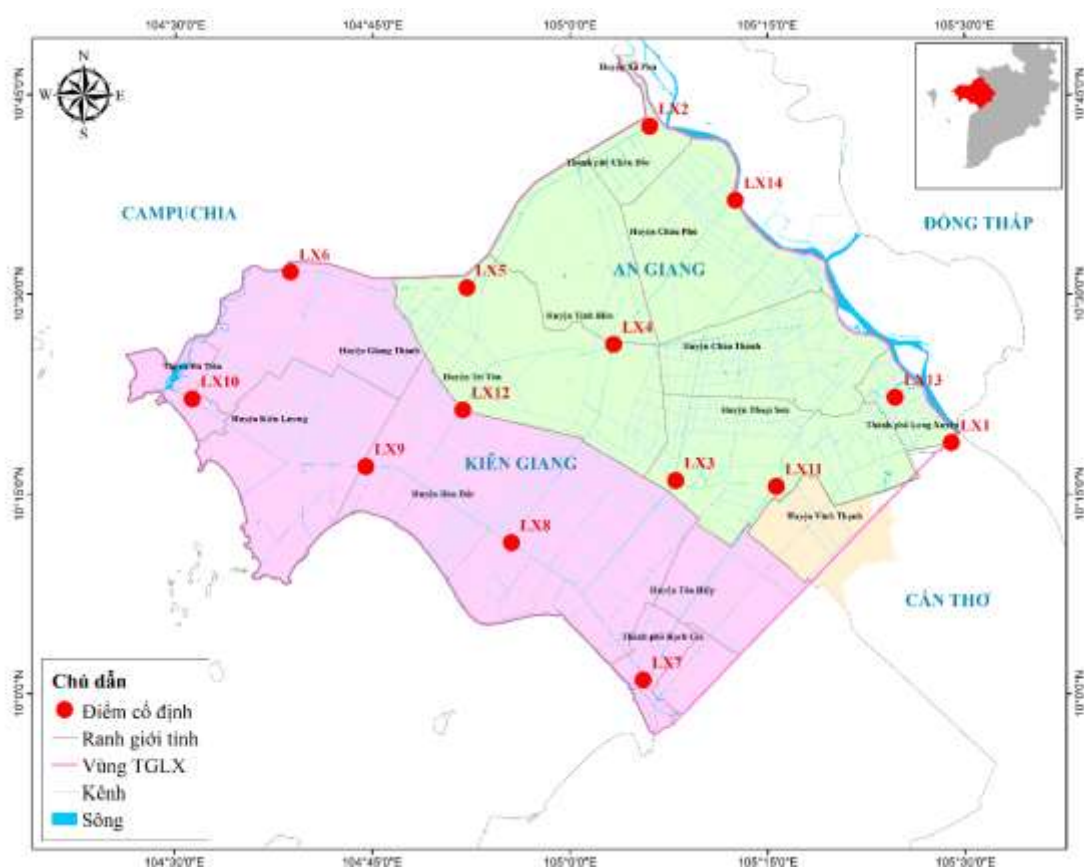


BẢN TIN TUẦN KỲ 11

“Đợt đo ngày 28/04/2025, dự báo từ ngày 06/05÷12/05/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 28/04/2025

Nhiệm vụ quan trắc tại 14 vị trí phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình 1, kết quả đo đạc như Bảng 1.



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 28/04/2025)

Bảng 1: Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 14 vị trí giám sát

TT	Vị trí thu mẫu	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	Tổng Nito (TN)	Tổng Phosphor (TP)	Coliform	Chỉ số WQI	Khuyến cáo
	(Kí hiệu)		‰	mg/l		mgO ₂ /l		mg/l		MPN/100ml		
	QCVN 08:2023/BTNMT (bảng 2, mức B)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤ 1,5	≤ 0,3	≤5.000		
1	Đầu kênh Cái Sắn phía sông Hậu (LX1)	6,87	0,1	10,31	6,32	10,5	21,5	2,56	0,11	22000	37	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
2	Đầu kênh Vĩnh Tế phía sông Hậu (LX2)	7,01	0,1	12,60	6,58	11,6	22,8	2,33	0,06	7200	66	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
3	Giao của kênh Ba Thê và kênh Ba Thê mới (LX3)	6,82	0,1	20,75	5,67	17,2	32,2	6,17	0,09	8400	50	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
4	Giao của kênh Tri Tôn, Trà Sư và Mạc Cần Dung (LX4)	6,97	0,1	34,88	5,51	22,4	38,5	8,46	0,12	33000	28	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
5	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh T5 (LX5)	6,81	0,1	16,52	5,62	15,2	28,9	4,61	0,07	4100	66	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
6	Giao của kênh Vĩnh Tế và kênh Hà Giang (LX6)	6,88	0,1	8,10	4,98	13,2	25,3	2,03	0,06	3600	68	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.

*Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 28/04/2025)*

7	Tp, Rạch Giá, cuối kênh Rạch Giá – Long Xuyên (LX7)	6,56	0,2	8,95	4,19	20,4	36,4	7,67	0,10	7900	45	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
8	Giao giữa kênh Tri Tôn và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX8)	6,06	0,2	40,20	4,68	23,2	42,2	10,97	0,08	5800	49	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
9	Giao giữa kênh T5 và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (LX9)	5,56	0,2	7,80	4,89	22,4	40,2	13,76	0,08	17000	15	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Ô nhiễm nặng ”, cần có biện pháp xử lý trước khi sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
10	Giao giữa kênh Hà Giang và Kênh Rạch Giá – Hà Tiên, (Cầu Hà Giang) (LX10)	7,28	20,1	65,10	5,92	13,5	25,2	4,74	0,09	6900	61	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”. Đây là khu vực nuôi tôm nước lợ, giá trị độ mặn vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp để lấy nước vào các ruộng tôm (7-25‰).
11	Giao giữa kênh Ba Thê Mới và Kênh Rạch Giá Long Xuyên (LX11)	6,92	0,1	60,15	4,79	18,4	35,2	7,92	0,16	8100	48	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Kém ”, phù hợp sử dụng cho giao thông thủy và các mục đích tương đương khác.
12	Giao của kênh Tám Ngàn và kênh ranh An Giang-Kiên Giang (LX12)	6,6	0,1	54,12	5,91	16,7	30,4	5,73	0,14	6400	59	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
13	Đầu kênh Rạch Giá – Long Xuyên từ sông Hậu vào (LX13)	7,05	0,1	KPH	5,69	9,2	18,2	1,26	0,18	7600	62	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Tứ Giác Long Xuyên, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.
(Ngày lấy mẫu 28/04/2025)

14	Đầu kênh Vĩnh Tre phía sông Hậu (LX14)	6,94	0,1	6,45	5,33	13,7	23,5	2,55	0,21	6900	60	Theo WQI, nguồn nước tại đây đang ở mức “ Trung bình ”, đảm bảo cho việc sử dụng cho lấy nước tưới tiêu trồng trọt.
----	--	------	-----	------	------	------	------	------	------	------	----	--

Nhận xét chung: Qua đợt quan trắc ngày 28/04/2025 cho thấy: Các thông số môi trường nước như DO, pH, TSS, tổng Phosphor tại hầu hết các trạm giám sát trong hệ thống CTTL TGLX đều đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT.

- Chỉ tiêu BOD₅, COD tại hầu hết các trạm tiếp tục không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT, cho thấy khu vực tiếp tục có nguy cơ bị ô nhiễm hữu cơ khá cao, điều này có thể gây ra sự giảm nồng độ Oxy trong nước, ảnh hưởng đến sự sống của các sinh vật thủy sinh và toàn bộ hệ sinh thái thủy sinh, suy giảm khả năng tự làm sạch của thủy vực.

- Bên cạnh đó, các điểm có giá trị WQI giảm mạnh ở mức “**Kém**” là do các điểm này có một số chỉ tiêu không đạt mức B của QCVN08:2023/BTNMT như các chỉ tiêu BOD₅, COD, tổng Nitơ và Coliform. Phần lớn các điểm này nằm ở khu vực gần chợ, dân cư tập trung đông đúc, hoạt động giao thông thủy thường xuyên, nguồn nước thải sinh hoạt đổ trực tiếp ra kênh rạch chính là nguyên nhân làm tăng hàm lượng các chỉ tiêu ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform trong nước. Tại các trạm ghi nhận hàm lượng Coliform cao không sử dụng nguồn nước này để tưới các loại rau ăn lá.

- Đáng chú ý, điểm LX9 có giá trị WQI giảm mạnh ở mức “**Ô nhiễm nặng**” với nguy cơ ô nhiễm hữu cơ, ô nhiễm dinh dưỡng và Coliform ở mức khá cao, nên người dân khu vực này cần chú ý theo dõi và có biện pháp xử lý trước khi sử dụng nguồn nước. Nhìn chung, chất lượng nước có xu hướng giảm xuống tại nhiều điểm quan trắc trong thời gian quan trắc có thể là do khu vực có mưa lớn cục bộ làm rửa trôi các vật chất trên bờ vào các hệ thống kênh. Vì vậy người dân cần chú ý thời điểm phù hợp để sử dụng nguồn nước cho tưới tiêu trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.

Ghi chú: Các giá trị in đậm là giá trị vượt ngưỡng cho phép.

Ghi chú: Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 06/05÷12/05/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, tổng Nitơ (TN) từ ngày 06/05÷12/05/2025 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 06/05÷12/05/2025 dao động trong khoảng 0,00÷19,71‰; độ mặn được dự báo có xu hướng giảm tại tất cả các điểm giám sát so với giá trị thực đo ngày 28/04/2025 (Bảng 2).

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 06/05÷12/05/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							(‰)	
		06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	12/05	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	0,02	0,07	0,07	0,04	0,04	0,06	0,02	0,02	0,07
	LX2	0,08	0,09	0,04	0,08	0,04	0,03	0,10	0,03	0,10
	LX13	0,06	0,10	0,05	0,09	0,07	0,07	0,07	0,05	0,10
	LX14	0,09	0,01	0,02	0,01	0,06	0,07	0,06	0,01	0,09
Khu vực giữa nội đồng	LX3	0,08	0,08	0,10	0,10	0,09	0,03	0,05	0,03	0,10
	LX4	0,09	0,02	0,06	0,01	0,07	0,01	0,08	0,01	0,09
	LX5	0,02	0,09	0,03	0,01	0,04	0,05	0,02	0,01	0,09
	LX6	0,08	0,03	0,03	0,08	0,05	0,08	0,04	0,03	0,08
	LX11	0,01	0,06	0,04	0,01	0,02	0,02	0,00	0,00	0,06
	LX12	0,00	0,05	0,07	0,09	0,04	0,02	0,10	0,00	0,10
Phía ven biển Tây	LX7	0,09	0,05	0,02	0,07	0,01	0,06	0,02	0,01	0,09
	LX8	0,08	0,10	0,09	0,00	0,04	0,04	0,02	0,00	0,10
	LX9	0,02	0,07	0,04	0,08	0,04	0,03	0,00	0,00	0,08
	LX10	19,71	19,49	19,20	18,92	18,71	18,68	18,76	18,68	19,71
Ranh mặn		<1 ‰	1‰-4‰		>4‰					
Khuyến cáo		- Từ ngày 06/05÷12/05/2025, nguồn nước khu vực canh tác lúa không bị nhiễm mặn, sử dụng tốt để tưới tiêu cho lúa và hoa màu. - Độ mặn tại điểm LX10 (khu vực nuôi tôm ở phường Thuận Yên, Tp. Hà Tiên) có độ mặn được dự báo có xu hướng giảm nhẹ nhưng vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp để nuôi tôm nước lợ (7-25‰) nên bà con yên tâm để lấy nước vào các ruộng tôm.								

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Giá trị DO dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 4,19÷6,27 mg/l, giá trị DO dự báo có xu hướng tăng tại phần lớn các điểm giám sát (8/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 28/04/2025 (Bảng 3).

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 06/05÷12/05/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	12/05	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	5,97	6,01	6,08	6,07	5,99	5,96	5,96	5,96	6,08
	LX2	5,95	6,27	6,23	5,95	5,65	5,29	5,08	5,08	6,27
	LX13	5,96	5,96	5,96	5,96	5,96	5,96	5,96	5,96	5,96
	LX14	5,62	5,62	5,60	5,59	5,58	5,58	5,59	5,58	5,62
Khu vực	LX3	5,54	5,61	5,60	5,55	5,49	5,45	5,43	5,43	5,61

giữa nội đồng	LX4	5,05	5,07	5,12	5,15	5,22	5,24	5,21	5,05	5,24
	LX5	5,97	5,97	5,96	5,93	5,92	5,91	5,93	5,91	5,97
	LX6	5,09	5,07	5,12	5,14	5,16	5,26	5,30	5,07	5,30
	LX11	4,85	4,85	4,86	4,87	4,91	4,94	4,96	4,85	4,96
	LX12	5,30	5,28	5,23	5,04	4,83	4,70	4,59	4,59	5,30
Phía ven biển Tây	LX7	4,83	4,91	4,96	4,97	4,94	4,86	4,81	4,81	4,97
	LX8	5,35	5,45	5,48	5,45	5,39	5,34	5,39	5,34	5,48
	LX9	4,49	4,36	4,33	4,32	4,31	4,26	4,19	4,19	4,49
	LX10	6,16	6,16	6,12	6,08	6,05	6,02	6,05	6,02	6,16
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≥ 6			Đạt mức B: ≥ 5			Không đạt mức B: <5		
Khuyến cáo		- Từ ngày 06/05÷12/05/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị oxy hòa tan dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT nên đảm bảo cho bà con lấy nước phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. - Riêng điểm LX7, LX9 và LX11 có giá trị DO được dự báo thấp trong nhiều ngày nên người dân cần chú ý khi sử dụng nguồn nước.								

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ dự báo trong HTTL TGLX dao động từ 8,55÷22,12 mg/l, giá trị BOD₅ dự báo có xu hướng giảm tại hầu hết các điểm giám sát (12/14 điểm) so với giá trị thực đo ngày 28/04/2025 (Bảng 4).

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 06/05÷12/05/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	12/05	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	10,37	10,31	11,19	11,34	12,70	12,87	13,01	10,31	13,01
	LX2	11,55	11,72	11,77	11,72	11,63	11,54	11,48	11,48	11,77
	LX13	9,09	9,03	8,94	8,83	8,73	8,67	8,55	8,55	9,09
	LX14	13,67	13,61	13,59	13,70	13,69	13,34	12,90	12,90	13,70
Khu vực giữa nội đồng	LX3	13,70	14,02	14,36	14,34	14,31	14,70	13,73	13,70	14,70
	LX4	20,13	20,27	18,84	17,17	15,12	15,93	14,24	14,24	20,27
	LX5	13,20	13,31	13,22	12,77	12,33	12,51	12,88	12,33	13,31
	LX6	10,94	10,60	12,17	13,33	14,28	14,74	14,63	10,60	14,74
	LX11	17,64	17,38	16,06	14,70	13,73	13,10	12,73	12,73	17,64
	LX12	17,17	16,82	16,48	16,14	15,82	15,58	15,42	15,42	17,17
Phía ven biển Tây	LX7	20,40	20,37	19,94	19,28	18,49	17,63	16,81	16,81	20,40
	LX8	22,12	21,83	21,89	19,86	17,30	17,54	17,20	17,20	22,12
	LX9	20,64	21,13	20,77	19,83	18,53	17,17	15,99	15,99	21,13
	LX10	13,18	12,27	11,88	11,85	11,94	12,03	12,27	11,85	13,18
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6			Không đạt mức B: > 6		
Khuyến cáo		- Từ ngày 06/05÷12/05/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị Oxy sinh hóa dự báo tại tất cả các điểm giám sát đều không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực khảo sát tiếp tục có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ khá cao.								

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị tổng Nito dự báo dao động trong khoảng từ 1,17÷11,67 mg/l, giá trị tổng Nito dự báo có xu hướng giảm tại hầu hết các điểm giám sát (11/14 điểm) so với giá

trị thực đo ngày 28/04/2025 (Bảng 5).

Bảng 5: Giá trị dự báo tổng Nito tại các điểm giám sát từ 06/05÷12/05/2025

Khu vực	Vị trí	Dự Báo							mg/l	
		06/05	07/05	08/05	09/05	10/05	11/05	12/05	Min	Max
Đầu nguồn phía sông Hậu	LX1	1,89	1,89	1,90	1,94	1,98	1,98	1,97	1,89	1,98
	LX2	2,49	2,73	2,80	2,73	2,52	2,26	2,10	2,10	2,80
	LX13	1,17	1,24	1,33	1,45	1,56	1,44	1,36	1,17	1,56
	LX14	2,07	2,14	2,25	2,33	2,37	2,38	2,33	2,07	2,38
Khu vực giữa nội đồng	LX3	4,44	4,67	4,96	5,33	6,19	4,09	4,68	4,09	6,19
	LX4	8,39	8,31	8,18	8,06	7,98	7,94	7,91	7,91	8,39
	LX5	3,30	3,50	3,49	3,36	3,16	2,91	2,26	2,26	3,50
	LX6	2,36	2,29	1,87	1,67	1,63	1,62	1,65	1,62	2,36
	LX11	5,19	5,36	5,48	5,34	5,01	5,13	5,88	5,01	5,88
	LX12	5,19	5,45	5,54	5,40	5,11	4,75	4,35	4,35	5,54
Phía ven biển Tây	LX7	7,14	7,53	7,11	6,25	5,38	4,63	4,04	4,04	7,53
	LX8	10,17	10,12	9,96	9,63	9,27	9,00	8,81	8,81	10,17
	LX9	11,67	10,19	9,01	8,25	7,77	7,44	7,24	7,24	11,67
	LX10	4,22	4,51	4,38	4,43	5,01	5,75	5,70	4,22	5,75
QCVN08:2023		Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5		Không đạt mức B: >1,5			
Khuyến cáo		- Từ ngày 06/05÷12/05/2025, nguồn nước trong HTTL TGLX có giá trị tổng Nitơ (TN) dự báo tại phần lớn các điểm giám sát không đạt mức B theo QCVN08:2023/BTNMT cho thấy khu vực khảo sát có dấu hiệu ô nhiễm dinh dưỡng khá cao, nên người dân cần chú ý theo dõi trước khi lấy nước cho mục đích tưới tiêu trồng trọt.								

Khuyến cáo chung:

Trong tuần từ 06/05÷12/05/2025, chất lượng nước trong hệ thống CTTL Tứ Giác Long Xuyên dự báo ở các thông số Độ mặn và DO có xu hướng tốt ở nhiều điểm giám sát, các giá trị dự báo phần lớn nằm trong giới hạn cho phép để phục vụ tưới tiêu và nuôi trồng thủy sản. Thông số BOD₅ và tổng Nito được dự báo tại hầu hết các điểm giám sát đều không đạt mức B, cho thấy khu vực khảo sát có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và ô nhiễm dinh dưỡng khá cao nên người dân vẫn cần theo dõi nguồn nước thường xuyên. Điểm LX10 (khu vực nuôi tôm nước lợ), độ mặn dự báo vẫn nằm trong ngưỡng thích hợp cho nuôi tôm.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CCTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Kiên Giang, An Giang;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi , Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB


Phạm Văn Tùng